

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

Số: 10 /2015/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bà Rịa, ngày 14 tháng 02 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với xe gắn máy,
xe ô tô, tàu, thuyền, ca nô trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.**

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ

ĐẾN Số:.....S.....
Ngày: 09/3.....

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA -VŨNG TÀU

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;
Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí ngày 28/08/2001;
Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 26/11/2006;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 20/11/2012;
Căn cứ Nghị định số 45/2011/NĐ-CP ngày 17/06/2011 của Chính phủ về Lệ phí trước bạ;
Căn cứ Nghị định số 23/2013/NĐ-CP ngày 25/3/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2011/NĐ-CP ngày 17/06/2011 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;
Căn cứ Thông tư số 124/2011/TT-BTC ngày 31/08/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí trước bạ;
Căn cứ Thông tư số 34/2013/TT-BTC ngày 28/03/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 124/2011/TT-BTC ngày 31/08/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí trước bạ;
Căn cứ Thông tư số 140/2013/TT-BTC ngày 14/10/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 34/2013/TT-BTC ngày 28/03/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 124/2011/TT-BTC ngày 31/08/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí trước bạ;
Theo đề nghị của Liên ngành Sở Tài chính-Cục Thuế tại Tờ trình số 3098/TTTrLN-STC-CT ngày 13/11/2014 V/v giá tính lệ phí trước bạ đối với xe gắn máy, xe ô tô, tàu, thuyền, ca nô,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với xe ô tô, xe máy, tàu thủy, thuyền, ca nô trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và cách áp giá tính lệ phí trước bạ. Cụ thể như sau:

1. Giá trị tài sản mới (100%) xác định theo Bảng giá xe ô tô, xe máy, tàu thủy, thuyền, ca nô (sau đây gọi chung là tài sản) tính lệ phí trước bạ do UBND tỉnh ban hành. Trường hợp nêu giá ghi trên hoá đơn cao hơn giá do UBND Tỉnh quy định thì lấy theo giá hoá đơn.

- Đối với tài sản mua theo phương thức trả góp thì tính lệ phí trước bạ theo toàn bộ giá trị tài sản trả một lần quy định đối với tài sản đó (không bao gồm lãi trả góp), nhưng không thấp hơn bảng giá do UBND tỉnh ban hành.

- Đối với tài sản tự sản xuất, chế tạo: giá tính lệ phí trước bạ không được thấp hơn giá bán theo thông báo của đơn vị sản xuất. Trường hợp tài sản tự sản xuất để tiêu dùng thì giá tính lệ phí trước bạ không được thấp hơn giá thành sản phẩm của đơn vị sản xuất.

- Đối với tài sản chưa quy định giá tính lệ phí trước bạ, thì áp dụng theo giá thị trường của loại tài sản tương ứng, hoặc xác định bằng (=) giá nhập khẩu (cơ quan Hải quan đã xác định tại cửa khẩu (CIF), cộng (+) thuế nhập khẩu, cộng (+) thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), cộng (+) thuế giá trị gia tăng theo chế độ quy định đối với loại tài sản tương ứng (không phân biệt đối tượng phải nộp hay được miễn nộp thuế). Trường hợp không có giá tương đương, không có trong Bảng giá tính lệ phí trước bạ UBND tỉnh ban hành hoặc giá quy định trong Bảng giá chưa phù hợp với tình hình thực tế, thì Cục Thuế phối hợp với Sở Tài chính căn cứ hồ sơ, khảo sát giá thị trường để có ý kiến đề xuất kịp thời trình UBND Tỉnh sửa đổi, bổ sung bảng giá tính thuế trước bạ.

2. Giá trị tài sản đã qua sử dụng, thì giá tính lệ phí trước bạ là giá trị tài sản mới (100%) theo quy định nêu trên nhân (x) tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của tài sản nộp lệ phí trước bạ.

a) Tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của tài sản trước bạ được quy định cụ thể như sau:

- Tài sản đã qua sử dụng nhập khẩu vào Việt Nam : 85% (tài sản phải đáp ứng đủ điều kiện tài sản đã qua sử dụng theo quy định của pháp luật).

- Tài sản đã qua sử dụng, kê khai giá tính lệ phí trước bạ tại Việt Nam từ lần thứ 2 trở đi (trường hợp tài sản đã được kê khai, nộp lệ phí trước bạ tại Việt Nam thực hiện chuyển nhượng và kê khai lệ phí trước bạ tiếp theo với cơ quan quản lý nhà nước):

- Thời gian đã sử dụng từ 01 năm trở xuống : 85%.
- Thời gian đã sử dụng trên 01 năm đến 03 năm: 70%.
- Thời gian đã sử dụng trên 03 năm đến 06 năm: 50%.
- Thời gian đã sử dụng trên 06 năm đến 10 năm: 30%.
- Thời gian đã sử dụng trên 10 năm: 20%.

b) Thời gian đã sử dụng của tài sản được xác định như sau:

- Đối với tài sản được sản xuất tại Việt Nam, thời gian đã sử dụng tính từ thời điểm (năm) sản xuất tài sản đó đến năm kê khai lệ phí trước bạ;

- Đối với tài sản mới (100%) nhập khẩu, thời gian đã sử dụng tính từ thời điểm (năm) nhập khẩu tài sản đó đến năm kê khai lệ phí trước bạ. Trường hợp không xác định được thời điểm nhập khẩu thì tính theo thời điểm (năm) sản xuất ra tài sản nhập khẩu đó.

- Đối với tài sản đã qua sử dụng nhập khẩu kê khai lệ phí trước bạ tại Việt Nam từ lần thứ 02 trở đi, thời gian đã sử dụng tính từ thời điểm (năm) sản xuất tài sản nhập khẩu đó đến năm kê khai lệ phí trước bạ và giá trị tài sản làm căn cứ xác định giá tính lệ phí trước bạ là giá của loại tài sản tương ứng do UBND tỉnh quy định mới 100%.

Trường hợp không xác định được thời điểm (năm) sản xuất ra tài sản đó thì thời gian đã sử dụng tính từ thời điểm (năm) nhập khẩu tài sản đó và giá trị tài sản làm căn cứ xác định giá tính lệ phí trước bạ là giá của loại tài sản tương ứng đã qua sử dụng (85%).

(Kèm theo phụ lục danh mục bảng giá tính lệ phí trước bạ xe ô tô, xe máy, tàu thủy, thuyền, ca nô)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 459/2006/QĐ-UBND ngày 10/02/2006 của UBND tỉnh về việc ban hành bảng giá tính lệ phí trước bạ tài sản xe ô tô, xe gắn máy, ca nô, du thuyền trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Giao thông Vận tải, Giám đốc Sở Công thương, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Cục trưởng Cục Thuế, Cục trưởng Cục Hải quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để t/hiện);
- VP Chính Phủ;
- Bộ Tư Pháp; Bộ Tài chính;
- Tổng cục Thuế;
- TTr. Tỉnh ủy; TTr. HĐND;
- Đoàn đại biểu Quốc hội;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh BR-VT;
- Các Sở, Ngành cấp tỉnh;
- Các thành viên UBND tỉnh;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Website Chính phủ;
- Trung tâm công báo tin học Tỉnh;

Lưu: VT, TH. *TX*

TM.UBND TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU



Nguyễn Thành Long